

Bản án số: 44/2019/DS-ST  
Ngày: 29 - 10 - 2019  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản;  
hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mụi.

2. Ông Mai Văn Tài.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tâm là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 230/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Ngô H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 01, ấp B, xã Đ, huyện TT, tỉnh An Giang; (có mặt).

2. *Các bị đơn:* Ông Huỳnh O, sinh năm 1965; bà Trần D; cùng cư trú: Tổ 02, ấp T, xã Đ, huyện TT, tỉnh An Giang; (ông O, bà D vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô H trình bày:*

Ngày 18/4/2018 vợ chồng ông O, bà D có mượn của ông H số tiền

350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), có làm giấy nhận nợ cùng lãi suất 3%/tháng. Đến vụ lúa Đông xuân năm 2018 – 2019 vợ chồng ông O, bà D có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Út Sang do ông H làm chủ để mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhằm phục vụ sản xuất đất nông nghiệp của gia đình, theo ghi chép sổ sách tính từ ngày 16/11/2018 đến ngày 08/3/2019 ông O bà D đã mua nhiều lần với số tiền 194.370.000đ (Một trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Ông H yêu cầu ông O bà D trả số tiền vay 350.000.000đ lãi suất 3%/tháng tính từ ngày 18/4/2018 đến vụ án được xét xử xong và tiền mua vật tư nông nghiệp 194.370.000đ lãi suất 1%/tháng.

Ngày 13/6/2019 ông H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng mua bán tài sản là 194.370.000đ, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 01 bản hóa đơn bán lẻ của hàng vật tư nông nghiệp Út Sang; 01 tờ giấy ghi chép Chú 5 O (Bản photo có đối chiếu).

*Các bị đơn ông Huỳnh O, bà Trần D không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô H đối với số tiền ông O, bà D vay 350.000.000đ, lãi suất theo quy định của pháp luật là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Đình chỉ yêu cầu của ông H đối với ông O, bà D về số tiền mua bán phân bón 194.370.000đ do ông H rút yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản là loại tranh chấp được quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các bị đơn là ông Huỳnh O, bà Trần D có nơi cư trú tại: Tổ 02, ấp T, xã Đ, huyện TT, tỉnh An Giang căn

cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Các bị đơn là ông Huỳnh O, bà Trần D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt vắng mặt các bị đơn ông O, bà D.

Về xác định tên tuổi của bị đơn bà Trần D, trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 nguyên đơn khởi kiện các bị đơn ông Huỳnh O, sinh năm 1965, bà Trần D, sinh năm 1969; cùng cư trú: Tổ 02, ấp T, xã Đ, huyện TT, tỉnh An Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn đều vắng mặt nên không có bản tự khai cũng như Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của các bị đơn. Qua thu thập chứng cứ tại biên bản xác minh ngày 26/4/2019 được cung cấp thông tin như sau: *“Trong sổ hộ khẩu của bị đơn có chủ hộ ông Trần O, quan hệ với chủ hộ vợ là Trần D, tên thường gọi tại địa phương của bà Dung là Dũng. Do đó, xác định bà Trần Thị Dung tự Dũng là một người”*.

Trong quá trình tố tụng: Nguyên đơn ông H tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối ông O, bà D về việc yêu cầu đối với số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 194.370.000đ. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông H.

## [2] Chứng cứ chứng minh:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của ông H đối với ông O bà D trả 350.000.000đ nợ gốc và tiền lãi 3%/tháng từ ngày mượn tiền 18/4/2018 đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn ông H cung cấp hóa đơn bán lẻ ngày 18/4/2018 có nội dung “Chú 5 O cầu 11 mượn 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) lãi 3%” có chữ ký Huỳnh O và chữ viết Dũng – Trần Thị Dũng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là chữ ký của ông O tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tri Tôn và yêu cầu giám định chữ ký. Tại kết luận giám định số 78/KLGT-PC09(TL) ngày 20/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận như sau: Chữ ký và chữ viết họ tên “Huỳnh Văn On” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký và chữ viết họ tên “Huỳnh Văn On” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 – M4 do cùng một người ký và viết ra. Từ kết luận giám định trên Hội đồng xét xử có cơ sở

xem xét chữ ký trong nội dung mượn tiền 350.000.000đ do ông Trần O ký tên. Như vậy, việc ông O có mượn tiền của ông H 350.000.000đ, lãi suất 3%/tháng là phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà D cùng có trách nhiệm với ông O trả số nợ trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy mượn tiền không thể hiện rõ chữ ký của bà D nên không xác định được việc bà D có ký mượn tiền hay không tuy nhiên qua xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 26/4/2019 đồng thời trong sổ hộ khẩu thể hiện bà D là vợ của chủ hộ ông O. Do đó, thời điểm ông O vay tiền của ông H thì tình trạng hôn nhân của các bị đơn vẫn đang tồn tại cho đến hôm nay. Cho nên, bà D phải cùng có trách nhiệm liên đới với ông O trả tiền cho nguyên đơn. Do đó, yêu cầu buộc ông O, bà D cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền vốn gốc và lãi là có cơ sở chấp nhận và phù hợp quy định Điều 288 của Bộ luật dân sự; Điều 27; khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Về lãi suất: Theo nội dung mượn tiền ngày 18/4/2018 hai bên thỏa thuận mức lãi suất của số tiền vốn gốc 350.000.000đ là 3%/tháng (Tính từ ngày 18/4/2018 đến ngày 29/10/2019 = là 18 tháng 11 ngày). Nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu điều chỉnh mức lãi suất theo quy định của pháp luật 1,66%/tháng là có lợi cho bị đơn. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về lãi suất, cụ thể được tính:  $350.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 18 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 106.710.000đ$ .

Như vậy, tổng số tiền mà các bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 456.710.000đ. Trong đó: Tiền vay vốn gốc 350.000.000đ; tiền lãi 106.710.000đ.

[4] Về chi phí giám định: Các bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký với số tiền 3.000.000đ. Nguyên đơn không phải chịu và được trả lại tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận là 22.268.400đ quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 161; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 228; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27; khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô H đối với ông Huỳnh O; bà Trần D về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc các bị đơn ông Huỳnh O; bà Trần D cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Ngô H số tiền 456.710.000đ (*Bốn trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm mười nghìn đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô H về việc yêu cầu số tiền tranh chấp mua bán vật tư nông nghiệp là 194.370.000đ (*Một trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng*) đối với các bị đơn ông Huỳnh O; bà Trần D do nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Về chi phí giám định: Buộc các bị đơn ông Huỳnh O; bà Trần D phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Nguyên đơn không phải chịu nên được trả lại tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp 3.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (Sau khi Chi cục Thi hành án thu của ông O, bà D 3.000.000đ thì giao lại cho ông H).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Các bị đơn ông Huỳnh O; bà Trần D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.268.400đ (*Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm đồng*).

+ Nguyên đơn ông Ngô H được nhận lại số tiền 12.887.000đ (*Mười hai triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu số:

TU/2016/0012348 ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt ông O, bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Viện KSND huyện TT;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thi hành án DS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký tên, đóng dấu)*

**Sơn Thị Thúy Liễu**